**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | Đọc hiểu | Truyện ngụ ngôn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| **2** | Viết | Viết bài văn trình bày một vấn đề mà em quan tâm (tán thành) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc**  **hiểu** | **Truyện ngụ ngôn** | - Nhận biết được thể loại  - Nhận biết được phương thức biểu đạt  - Xác định được nhân vật chính  - Hiểu được nội dung chính  - Nhận biết được nghĩa của từ hoặc thành ngữ  - Hiểu được tác dụng của biện pháp nghệ thuật hoặc dấu câu  - Hiểu được nội dung, nghệ thuật và các chi tiết trong văn bản  - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ  - Liên hệ được bài học ý nghĩa rút ra từ văn bản | 3 TN  C1  C2  C3 | 5 TN  C4  C5  C6  C7, C8 | 2 TL  C9  C10 |  |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn trình bày một vấn đề mà em quan tâm (tán thành)** | - Xác định được kiểu bài văn phân tích một vấn đề mà em quan tâm (tán thành)  - Sắp xếp đúng bố cục, phân tích được vấn đề được đặt ra trong văn bản  - Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản phân tích một bài văn nghị luận xã hội  - Sử dụng ngôn từ linh hoạt khi lập luận  - Có sáng tạo trong cách diễn đạt, lập luận làm cho lời văn hấp dẫn, giàu sức thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **TRƯỜNG THCS** …  **NĂM HỌC 2023 - 2024** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **Môn: NGỮ VĂN 7**  Ngày kiểm tra: …/…./2024  Thời gian làm bài: 90 phút | |  |

**Họ và tên: …………………………………………… Lớp: …………………………………**

**A. PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**I. Trắc nghiệm (2.0 điểm):**

***Đọc đoạn trích* *sau và trả lời các câu hỏi bằng cách viết vào giấy thi chữ cái trước đáp án đúng:***

**THỎ THAY RĂNG**

1. Trong một khu rừng nọ có một chú thỏ rất nhát gan. Cứ nhìn thấy bóng dáng của cáo là thỏ vội quay đầu bỏ chạy. Có cách gì giúp mình không sợ cáo nữa không? Suy nghĩ mãi, cuối cùng thỏ nghĩ ra một cách rất hay, ấy là thay một bộ răng trông thật hung dữ. Nó tìm đến bác sĩ hạc, bảo:

- Bác sĩ hạc yêu quý, bác chuyên chữa răng cho mọi người, xin bác thay cho cháu một hàm răng mới.

Bác sĩ hạc ngạc nhiên:

- Sao thế? Răng của cháu vẫn còn rất tốt mà.

- Tuy răng của cháu không bị hỏng, nhưng mà nó quá nhỏ. Bác lắp cho cháu một hàm răng giống như của sư tử ấy.

- Nhưng cháu muốn có hàm răng giống như của sư tử để làm gì vậy?

- Cháu không muốn cứ nhìn thấy cáo là phải chạy trốn nữa. Nếu mà làm cho cáo phải chạy khi nhìn thấy cháu thì hay biết mấy.

Bác sĩ hạc rất thông cảm cho hoàn cảnh của thỏ, liền thay cho nó một hàm răng giống như của sư tử. Thỏ soi gương, sung sướng thốt lên:

- Tuyệt quá, giờ mình sẽ đi tìm cáo!

2. Thỏ vào rừng, xông xáo khắp nơi tìm cáo. Lúc sau, cáo từ bụi cây bước ra, tiến về phía thỏ. Trông thấy cáo từ xa, thỏ sợ quá co giò chạy biến. Nó chạy đến nhà bác sĩ hạc, lắp bắp:

- Bác… bác… sĩ ơi! Xin bác thay cho cháu hàm răng khác.

- Sao thế? Hàm răng này không tốt à?

- Không, không phải ạ! Hàm răng này vẫn nhỏ quá. Bác có hàm răng nào to hơn không ạ?

- Dù có thay hàm răng to hơn thì cũng chẳng có tác dụng gì đâu, cháu sẽ vẫn sợ cáo thôi. Thỏ con này, cháu nên thay tim ấy, bỏ trái tim thỏ đi và thay bằng trái tim sư tử thì mới được.

(Theo *Tuyển tập truyện ngụ ngôn hay nhất*, trang 85, NXB Văn Học, 2021)

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Truyện ngụ ngôn | C. Truyện cổ tích |
| B. Truyện truyền thuyết | D. Truyện cười |

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

|  |  |
| --- | --- |
| A. Miêu tả | C. Biểu cảm |
| B. Tự sự | D. Nghị luận |

Câu 3. Văn bản trên được viết theo ngôi kể thứ mấy?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ngôi thứ nhất | C. Ngôi thứ 3 |
| B. Ngôi thứ hai | D. Ngôi thứ 4 |

Câu 4. Nội dung chính của văn bản là gì?

A. Thỏ muốn thay bộ răng hung dữ để làm bạn với cáo nhưng bác sĩ lại khuyên thay trái tim.

B. Thỏ rất sợ cáo nên rủ sư tử cùng nhau đi thay bộ răng hung dữ để có thể dọa nạt cáo.

C. Thỏ thay hàm răng hung dữ để không sợ cáo nữa nhưng bác sĩ khuyên thay trái tim.

D. Thỏ sợ sư tử và cáo nên muốn thay bộ răng cho hung dữ nhưng bác sĩ khuyên thay trái tim.

Câu 5. Từ *“thông cảm”* trong câu văn: *“Bác sĩ hạc rất thông cảm cho hoàn cảnh của thỏ, liền thay cho nó một hàm răng giống như của sư tử.”* có nghĩa là gì?

A. Hiểu thấu hoàn cảnh khó khăn riêng và chia sẻ tâm tư tình cảm.

B. Hiểu thấu sở thích riêng và chia sẻ những sở thích đồng điệu.

C. Hiểu thấu thói quen riêng và chia sẻ những thói quen giống nhau.

D. Hiểu thấu năng lực riêng và chia sẻ những năng lực vượt trội.

Câu 6. Dấu chấm lửng trong câu văn *“Bác…bác…sĩ ơi!”* có tác dụng gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đánh dấu lời nói ngập ngừng, ngắt quãng. | C. Đánh dấu lời nói của nhân vật. |
| B. Đánh dấu sự vật chưa được liệt kê hết. | D. Đánh dấu lời nói hài hước, châm biếm. |

Câu 7. Câu văn “*Có cách gì giúp mình không sợ cáo nữa không?”* là lời nói của ai?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cáo | C. Sư tử |
| B. Thỏ | D. Bác sĩ hạc |

Câu 8. Nhân vật thỏ trong văn bản trên đại diện cho kiểu người nào trong cuộc sống?

A. Kiểu người luôn thích chứng tỏ, làm mới bản thân.

B. Kiểu người thích a dua, nịnh bợ để lấy cái lợi về mình.

C. Kiểu người nhát gan, sợ hãi trước người khác.

D. Kiểu người luôn dựa dẫm và lợi dụng người khác

**II. Tự luận (4,0 điểm)**

Câu 9. Chỉ rõ và nêu tác dụng của một biện pháp nghệ thuật tu từ trong câu văn: *“Thỏ con này, cháu nên thay tim ấy, bỏ trái tim thỏ đi và thay bằng trái tim sư tử thì mới được.”*

Câu 10. Chỉ ra bài học ý nghĩa được rút ra từ văn bản

**B. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về một vấn đề trong đời sống (ý kiến tán thành)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **TRƯỜNG THCS …**  **NĂM HỌC 2023 - 2024** | **HƯỚNG DẪN CHẤM THI GIỮA HỌC KÌ II**  **Môn: NGỮ VĂN 7**  **Thời gian làm bài: 90 phút** | |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | 2,0 |
| **1** | A. Truyện ngụ ngôn | 0,25 |
| **2** | B. Tự sự | 0,25 |
| **3** | C. Ngôi thứ ba | 0,25 |
| **4** | C. Thỏ thay hàm răng hung dữ để không sợ cáo nữa nhưng bác sĩ khuyên thay trái tim. | 0,25 |
| **5** | A. Hiểu thấu hoàn cảnh khó khăn riêng và chia sẻ tâm tư tình cảm. | 0,25 |
| **6** | A. Đánh dấu lời nói ngập ngừng, ngắt quãng. | 0,25 |
| **7** | B. Thỏ | 0,25 |
| **8** | C. Kiểu người nhát gan, sợ hãi trước người khác. | 0,25 |
| **II** | **9** | - Biện pháp nghệ thuật tu từ **ẩn dụ** qua từ “**trái tim”**  - Nhờ có biện pháp tu từ ẩn dụ giúp câu văn trở nên sinh động, tăng sức gợi hình, gợi cảm xúc, lôi cuốn người đọc.  - Giúp chúng ta hiểu được không phải là thay trái tim thỏ bé nhỏ cơ học mà cần rèn luyện một trái tim dũng cảm, để không sợ hãi, nhút nhát trước kẻ khác.  *(Lưu ý: HS chỉ trả lời được BPNT không viết ra được từ ngữ thì cho 0.25 điểm)* | 0.5  0.5  0.5  0.5 |
|  | HS nêu được bài học hợp lý.  - Sợ hãi trước người khác chỉ khiến bản thân trở nên hèn yếu, kém cỏi  -Vẻ bề ngoài không thể làm thay đổi bản chất bên trong con người.  - Cần tích cực nỗ lực, rèn luyện bản thân: sức khỏe, tri thức  - Phải dũng cảm, mạnh mẽ đối mặt với khó khăn  *HS có thể lập luận những ý kiến tương đương, phát huy ngôn từ sáng tạo hợp lý.* | 0.5  0.5  0.5  0.5 |
| **III** |  | **Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về một vấn đề trong đời sống (ý kiến tán thành)** | **4,0** |
|  |  | **HÌNH THỨC: 1,0đ**  a. Đảm bảo cấu trúc bài văn trình bày suy nghĩ của bản thân về một vấn đề trong đời sống (ý kiến tán thành)  - Hiểu được cách trình bày luận điểm, luận cứ, lập luận  - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề  - Có dẫn chứng thuyết phục  b. Xác định đúng yêu cầu của đề  c. Viết đúng chính tả, đảm bảo đúng ngữ pháp tiếng Việt  d. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  |  | **NỘI DUNG: 3,0đ**  **a. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó  **b. Thân bài**  LĐ 1: Trình bày giải thích vấn đề, ý kiến. Bày tỏ thái độ tán thành ý kiến  LĐ 2: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)  LĐ 3: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)  LĐ n: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)  **c. Kết bài:** Khẳng định tính chính xác của ý kiến được viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó  *HS linh hoạt sáng tao trong cách làm bài nhưng đảm bảo được nội dung và hình thức vẫn cho điểm.* | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |